

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
THÀNH PHỐ THÀNH CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 728/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2022
V/v: Tranh chấp Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên.
2. Bà Trần Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 347/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh T; sinh năm 1983;

Địa chỉ: 45/17/17 Trần Thái T, Phường M, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Ông Võ Ngọc Quốc H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: A17/26K1 Nguyễn Văn L, Tổ 5, Ấp M, xã BH, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H: Ông Nguyễn Cảnh Tr, sinh năm:1994. Địa chỉ: 1224B Phạm Thế H, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 10 năm 2020, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày: Bà T và ông Võ Ngọc Quốc H chung sống vợ, chồng từ năm 2016, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 60, do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 11 năm 2016. Trong quá trình chung sống không cùng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, đánh nhau. Bà T xác định không còn tình

cảm và không thể hàn gắn vợ, chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà T được ly hôn ông Võ Ngọc Quốc H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Bá T, giới tính: Nam, sinh ngày 20/02/2018, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi trẻ Võ Bá T mỗi tháng 4.000.000 (bốn triệu) đồng đến khi trẻ trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: Bà T xác định không có.

Về nợ chung: Bà T xác định không có.

Theo bản tự khai ngày 06/6/2022. Bị đơn ông Võ Ngọc Quốc H trình bày: về quan hệ hôn nhân ông H đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Bá T, giới tính: Nam, sinh ngày 20/02/2018, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Võ Bá T. Ông H đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng nuôi trẻ Võ Bá T, mỗi tháng 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

Về tài sản chung: Ông Võ Ngọc Quốc H xác định không có.

Về nợ chung: Ông Võ Ngọc Quốc H xác định không có.

Ông Võ Ngọc Quốc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H: Ông Nguyễn Cảnh Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Xét bị đơn ông Võ Ngọc Quốc H hiện đang cư trú tại: A17/26K1 Nguyễn Văn L, Tổ 5, Ấp M, xã BH, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Xét bị đơn ông Võ Ngọc Quốc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 06/6/2022. Căn cứ các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông H là đúng theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét bà Trần Thị Thanh T và ông Võ Ngọc Quốc H chung sống vợ, chồng từ năm 2016, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 60, do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 11 năm 2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà Trần Thị Thanh T về việc ly hôn với ông Võ Ngọc Quốc H. Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của bà T nhận thấy: Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa bà T và ông H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường hay cãi vã nhau, dẫn đến đánh nhau ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không phù hợp, không có sự yêu thương chăm sóc lẫn nhau và hai bên không còn quan tâm đến nhau, đã sống ly thân, do đó khả năng hàn gắn tình cảm vợ, chồng không còn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ phù hợp quy định tại các Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét bị đơn ông Võ Ngọc Quốc H trình bày tại bản tự khai ngày 06/6/2022 ông H đồng ý ly hôn với bà T điều này phù hợp pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Bá T, giới tính: Nam, sinh ngày 20/02/2018. Xét ý kiến bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Võ Bá T, giới tính: Nam, sinh ngày 20/02/2018 và ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 (bốn triệu) đồng, cho đến khi trẻ đủ 18 (mười tám) tuổi, thì ông H đồng ý với ý kiến Bà T và điều này phù hợp pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không xét.

[3.3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần Thị Thanh T phải nộp án dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0035998, ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Võ Ngọc Quốc H phải chịu, nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi bổ sung năm 2014);

-Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Vắng mặt đối với ông Võ Ngọc Quốc H.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với ông Võ Ngọc Quốc H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 60 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 11 năm 2016 cấp không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Bá T, giới tính: Nam, sinh ngày 20/02/2018. Giao con chung tên Võ Bá T, giới tính: Nam, sinh ngày 20/02/2018 cho bà Trần Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc ông Võ Ngọc Quốc H cấp dưỡng nuôi con chung tên Võ Bá T, giới tính: Nam, sinh ngày 20/02/2018 mỗi tháng 4.000.000 (bốn triệu) đồng, lần lượt cho đến khi trẻ Tín đủ 18 (mười tám) tuổi, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành dân sự có thẩm quyền.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Võ Ngọc Quốc H và bà Trần Thị Thanh T đều xác định không có.

Án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Bà Trần Thị Thanh T phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0035998, ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Võ Ngọc Quốc H phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Thanh T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Võ Ngọc Quốc H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi Nhận:

- TAND.TP Hồ Chí Minh;
- VKSND H. B;
- CCTHA DS H. B;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND Phường M, Quận T, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hs.



Trần Văn Phúc